TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày 15-01-2020
V/v tranh chấp về yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2019/TLST-DS ngày 27/3/2019 về việc "Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2019/QĐXXST-DS ngày 28/11/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Tú L, sinh năm 1986; thường trú: Số 42/26A2 Q, Phường 10, quận G, Thành phố H; địa chỉ liên lạc: Số 05 đường Th, khu phố Th 1, phường D, thị xã D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trương Thị L2, sinh năm 1964; thường trú: Số 42/26A2 Q, Phường 10, quận G, Thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13/01/2020). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959; thường trú: Số 217/21/8/3 đường số 11, khu phố 4, phường L, quận Th, Thành phố H. Địa chỉ: Số 05 đường Th, khu phố Th 1, phường D, thị xã D, tỉnh B. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 217/21/8/3 đường số 11, khu phố 4, phường L, quận Th, Thành phố H. Có mặt.

2/ Bà Trương Thị L2, sinh năm 1964; thường trú: Số 42/26A2 Q, Phường 10, quận G, Thành phố H; chỗ ở: Số 05 đường Th, khu phố Th 1, phường D, thị xã D, tỉnh B. Có mặt.

3/ Ông Trần An, sinh năm 1978; thường trú: 42/26A2 Q, Phường 10, quận G, Thành phố H. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Đặng Vĩnh C2, sinh năm 1972; địa chỉ: Hẻm Thạnh Lộc 16, phường Th, Quận 12, Thành phố H. Có mặt.

2. Ông Khưu Quốc H2, sinh năm 1988; địa chỉ: 1779/1C khu phố 4, phường A, Quận 12, Thành phố H. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 19, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1991; thường trú: Số 217/21/8/3 đường số 11, khu phố 4, phường L, quận Th, Thành phố H; chỗ ở: Số 03 đường Th, khu phố Th 1, phường D, thị xã D, tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trương Thị L2 trình bày: Năm 2007 bà L nH chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Số 05 đường Th, khu phố Th, phường D, thị xã D, tỉnh B và được cập nhật biến động sang tên theo giấy chứng nH quyền sử dụng đất số 1474 QSD Đ/HTH-DA vào ngày 12/01/2008. Đến năm 2011, bà L xây dựng căn nhà trên toàn bộ diện tích đất. Khi xây dựng có làm thủ tục để xin cơ quan nhà nước cấp giấy phép xây dựng theo quy định. Căn nhà bà L xây dựng có 02 hầm chứa nước thải, một hầm nằm trong phòng vệ sinh trong nhà và 01 hầm ở phía trước sân hầm này ở vị trí xảy ra đang tranh chấp). Khoảng năm 2018 bà L cho có làm thêm 01 hầm chứa nước thải gần cổng nhà để người thuê chứa nước thải kinh doanh. Hầm trong nhà vệ sinh và hầm ở vị trí đang tranh chấp đều có 03 hố, trong đó có 01 hố có đổ đáy và 02 hố không có đáy vì lúc đó khu vực bà L ở chưa có đường thoát nước nên để 02 hố không đáy cho nước thấm vào đất, hầm có đổ đáy thì khi nào đầy sẽ hút; hầm nước thải xây dựng năm 2018 có 02 hố bằng hình tròn, không đổ đáy. Tại vị trí xảy ra hành vi tranh chấp, hầm nước thải của bà L cách tường ranh nhà ông T khoảng 30cm, bà L có làm 01 hố chờ của hầm giáp với tường nhà để dẫn nước vào hầm chứa. Ngày 13/11/2018, căn nhà của bà xảy ra hiện tượng có nước thải dưới hầm chứa nước thải tràn lên nền nhà, thấm lên tường gây ô nhiệm môi trường sống của gia đình. Nguyên đơn đã xử lý bằng cách thuê người đến hút hầm cầu nhưng sau khi hút cạn hai lần trong một thời gian ngắn nhưng nước trong hầm lại đầy trở lại. Sau khi hút cạn nước thêm một lần nữa, nguyên đơn đã nhờ người mở nắp hầm chứa để kiểm tra thì phát hiện ra sự việc vách hố chờ cạnh giáp hầm chứa của bị đơn có vết nứt và

có nước từ bên ngoài chảy vào hố chờ qua vết nứt này. Sự việc đó có bà L2, ông Đặng Vĩnh C2, ông Khưu Quốc H2, ông M chứng kiến. Ông C là con trai của ông T cũng qua chứng kiến sự việc để tìm phương án giải quyết nhưng không có kết quả.

Trong đơn khởi kiện bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T chấm dứt hành vi gây ô nhiễm môi trường thoát nước thải qua nhà của bà L và buộc ông Nguyễn Văn T khắc phục hậu quả gây ra làm thấm tường, ngập hầm cầu gây hư hại nặng nề cho gia đình chị L và bồi thường thiệt hại.

Nhưng tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T khắc phục hậu quả gây ra làm thấm tường, ngập hầm cầu gây hư hại nặng nề cho gia đình chị L và bồi thường thiệt hại, cụ thể:

+ Tiền mặt bằng cho thuê tạm tính cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm là 36.000.000 đồng.

+ Tiền xây lại bức tường do bị ngấm nước gây mục tường (chiều dài 15m, chiều cao 03m) tạm tính là 20.000.000 đồng.

+ Tiền làm lại nền nhà lót gạch ốp tường, nền mặt bằng diện tích 50m^2 tạm tính là 20.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền là 76.000.000 đồng.

Theo đó, nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T chấm dứt hành vi gây ô nhiễm môi thoát nước thải qua nhà bà L để không làm ẩm ướt tường và tràn nước thải lên nền nhà.

Tại phiên tòa bị đơn đưa ra phương án để các đương sự thỏa thuận với nhau, cụ thể: Nguyên đơn và bị đơn tự khắc phục, sửa chữa hầm chứa nước thải của mình để chấm dứt hiện tượng có nước thải tràn lên nền nhà của nguyên đơn gây ảnh hưởng đến môi trường sống. Phương án thực hiện: Nguyên đơn và bị đơn tự liên hệ làm thủ tục với Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương - Chi nhánh nước thải Dĩ An để được đấu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải. Nếu bị đơn đồng ý thì nguyên đơn đồng ý thực hiện.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông T nH chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại số 03 đường Th, khu phố Th, phường D, thị xã D, tỉnh B, là thửa đất liền kề với bà Phan Tú L. Năm 2016 ông xây dựng căn nhà trên đất, việc xây dựng có xin giấy phép, có bản vẽ thiết kế theo quy định của pháp luật. Quá trình sử dụng căn nhà cho đến trước khi nguyên đơn tranh chấp về việc chấm dứt hành vi trái pháp luật thì giữa nguyên đơn và bị đơn không xảy ra tranh chấp gì. Đến cuối năm 2018 bà L cho rằng nước thải tràn lên nền nhà bà là do nước từ hầm nước thải của ông chảy qua. Ông không đồng ý vì: Việc ông xây dựng có xin cấp giấy phép, có bản vẽ thiết kế theo quy định. Quá trình xây dựng và sử dụng căn nhà của ông không xảy ra vấn đề gì cho đến cuối năm 2018 bà L khởi kiện.

Tại phiên tòa ông đưa ra phương án để các đương sự thỏa thuận với nhau, cụ thể: Nguyên đơn và bị đơn tự khắc phục, sửa chữa hầm chứa nước thải của mình để chấm dứt hiện tượng có nước thải tràn lên nền nhà của nguyên đơn gây ảnh hưởng đến môi trường sống. Phương án thực hiện: Nguyên đơn và bị đơn tự liên hệ làm thủ tục với Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương - Chi nhánh nước thải Dĩ An để được đấu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải. Nếu nguyên đơn đồng ý thì ông đồng ý thực hiện.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà không đồng ý vì vợ chồng bà xây dựng nhà trên đất của mình, khi xây dựng có xin giấy phép và thiết kế thi công theo đúng quy định. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được phương án khắc phục, sửa chữa thì bà đồng ý thực hiện, không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần A vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án ông có lời khai: Ông Thống nhất với lời khai của nguyên đơn. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông đề nghị Tòa án chấp nH.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị L2 có lời khai: Bà thống nhất với lời khai của nguyên đơn. Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà đồng ý phương án mà nguyên đơn và bị đơn đưa ra.

Quá trình giải quyết vụ án ông Đặng Vĩnh C2 trình bày: Ngày 13/11/2018, ông là người được nguyên đơn thuê đến kiểm tra để sửa chữa hầm nước thải. Là người trực tiếp nảy nắp hầm nước thải lên, khi mở nắp ra thì thấy nước ở trong hầm còn đầy tràn lên bề mặt. Sau khi hút cạn nước trong hầm thì ông nhìn thấy tại vết nứt trong hố chờ cạnh giáp nhà ông T có nước chảy vào hố chờ nguyên đơn. Sự việc có ông, ông M, ông H2 và bà L2 có gọi ông C sang chứng kiến.

Quá trình giải quyết vụ án ông Khưu Quốc H2 trình bày: Khoảng cuối năm 2017 ông là người được nguyên đơn thuê sữa chữa, ốp gạch vào tường. Trước khi được ốp gạch bức tường cạnh giáp nhà bị đơn bị thấm nước, bong tróc, rêu mốc. Cuối năm 2018, ông được nguyên đơn thuê đến nhà số 05 đường Thắng Lợi, khu phố Thắng Lợi 1 để sữa chữa hầm nước thải, khi mở nắp ra thì thấy nước ở trong hầm còn đầy tràn lên bề mặt. Sau khi hút cạn nước trong hầm thì ông nhìn thấy tại vết nứt trong hố chờ cạnh giáp nhà ông T có nước chảy vào hố chờ nguyên đơn. Sự việc có ông, ông M, ông C2 và bà L2 có gọi ông C sang chứng kiến.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn M trình bày: Khoảng tháng 11/2018 ông được nguyên đơn thuê đến hút nước từ hầm nước thải tại số nhà 05 đường Thắng Lợi, khu phố Thắng Lợi 1. Ông được thuê đến hút 03 lần. Sau khi hầm nước thải đã được mở nắp và hút cạn thì ông nhìn thấy tại vết nứt trong hố chờ cạnh giáp nhà ông T có nước chảy vào hố chờ nguyên đơn. Sự việc này bà L2 có gọi ông C sang chứng kiến.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông là con ruột của ông T và bà H hiện đang sinh sống tại số nhà 03 đường Thắng Lợi, khu phố Thắng Lợi 1 để giúp ba mẹ quản lý nhà trọ. Khoảng tháng 11/2018 nhà nguyên đơn có nước thải tràn lên nền nhà. Ngày bà L2 là mẹ của nguyên đơn thuê người đến mở nắp hầm cầu và hút nước thải, bà L2 có gọi ông qua chứng kiến sự việc. Tuy nhiên, giữa ông và bà L2 không có bất kỳ thương lượng hay thỏa thuận nào. Nguyên nhân có nước thải tràn lền nền nhà bà L và chảy ra đường gây ô nhiễm môi trường không phải do nước thải bên hầm nhà bị đơn chảy qua. Có nhiều nguyên nhân làm cho nước thải tràn lên nhà bà L nhưng tuyệt đối không phải do nguồn nước từ nhà bị đơn chảy qua. Lời khai của những người làm chứng trong vụ án là không đúng sự thật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và đương sự chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 227, 228, 229, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định. Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án; quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu này nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nH.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nH định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần A và những người làm chứng ông Khưu Quốc H2 và ông Nguyễn Văn M đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 229, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều xác định, để chấm dứt hiện tượng có nước thải tràn lên nền nhà gây ảnh hưởng đến môi trường sống của nguyên đơn thì cả nguyên đơn và bị đơn đều phải sửa chữa hầm chứa nước thải của mình. Đồng thời nguyên đơn và bị đơn đều đưa ra phương án để tự thỏa thuận với nhau, cụ thể: Nguyên đơn và bị đơn tự khắc phục, sửa chữa hầm chứa nước thải của mình để chấm dứt hiện tượng có nước thải tràn lên nền nhà của nguyên đơn gây ảnh hưởng đến môi trường sống. Phương án thực hiện: Nguyên đơn và bị đơn tự liên hệ làm thủ tục với Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương - Chi nhánh nước thải Dĩ An để được đấu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nH.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không bị ai ép buộc nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

[3] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 229, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 251 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nH sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Phan Tú L và ông Nguyễn Văn T tự khắc phục, sửa chữa hầm chứa nước thải của mình tại số 03 và số 05 đường Th, khu phố Th, phường D, thị xã D, tỉnh B để chấm dứt hiện tượng nước thải tràn lên nền nhà của bà Phan Tú L gây ảnh hưởng đến môi trường sống.

- Phương án thực hiện: Bà Phan Tú L và ông Nguyễn Văn T tự liên hệ làm thủ tục với Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương - Chi nhánh nước thải Dĩ An để được đấu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải.

2. Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của bà Phan Tú L đối với ông Nguyễn Văn T.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Tú L tự nguyện chịu án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Trả lại cho bà Phan Tú L số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 1.900.000 (một triệu chín trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0028284 ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Dĩ An.

5. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nH được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nH:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TX Dĩ An;
- Chi cục THADS TX Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VT; HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Vân